| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **33**/2019/DS-ST
Ngày: 13 – 6 - 2019.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST – DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 50/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng L**.

Trụ sở chính: A, Phường V, Thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện cho Ngân hàng L: **Chị Phạm Thị H** – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch D - Chi nhánh Bến Tre (Văn bản ủy quyền số 2872/QĐ-NHKL ngày 08/8/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng L). **(chị H có mặt)**

Địa chỉ: Số X đường E Khu phố Q, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2019, bản tự khai ngày 03/4/2019 của Ngân hàng và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H là người đại diện của Ngân hàng trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T có vay của Ngân hàng L (viết tắt TMCP L) – Phòng Giao dịch D theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A538110, A538121/HĐTD-CC ngày 22/6/2018, cụ thể:

+ Số tiền vay: 45.000.000 đồng.

+ Mục đích vay: Kinh doanh mua bán nhỏ.

+ Thời hạn vay: 180 ngày.

+ Hình thức thanh toán: Trả góp vốn gốc và lãi hàng ngày, kể từ ngày: 23/6/2018 đến ngày 23/12/2018, nên sẽ trả 268.410 đồng/ngày, ngày cuối trả 270.210 đồng là hoàn tất số nợ 45.000.000 đồng.

+ Lãi suất trong hạn: 14, 94%/năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản cầm cố là xe YAMAHA - SIRIUS: 71C1-212.20, số khung: RLCS1FC30EY086073, số máy: 1FC3-086083, do chị Nguyễn Thị T đứng tên.

Theo thỏa thuận hình thức thanh toán là trả hàng ngày từ ngày 23/6/2018 đến ngày 23/12/2018 là hoàn tất số nợ 45.000.000 đồng gồm cả vốn lẫn lãi. Nhưng trong quá trình thực hiện chị T chỉ thanh toán được đến ngày 08/8/2018 với số tiền là 13.387.913 đồng, trong đó:

+ Vốn gốc: 11.250.000 đồng.

+ Tiền lãi: 828.863 đồng.

+ Phí bảo lãnh: 1.309.050 đồng.

Số nợ còn lại tính đến ngày trả nợ cuối cùng (ngày 23/12/2018) là 40.163.739 đồng, trong đó:

+ Vốn gốc: 33.750.000 đồng.

+ Tiền lãi: 2.486.589 đồng.

+ Phí bảo lãnh: 3.927.150 đồng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả cho ngân hàng số tiền còn nợ lại là 40.163.739 đồng như nêu trên. Nếu chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A538110, A538121/HĐTD-CC ngày 22/6/2018 để ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản cầm cố nhằm đảm bảo thanh toán nợ cho ngân hàng.

*** Tại phiên Tòa**, Ngân hàng xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với phí bảo lãnh với số tiền là 3.927.150 đồng, mà chỉ yêu cầu chị T trả số tiền là 36.236.589 đồng, trong đó:

+ Vốn gốc: 33.750.000 đồng.

+ Tiền lãi: 2.486.589 đồng.

* Đối với chị Nguyễn Thị T là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng chị đều vắng mặt không lý do, nên không thu thập được lời khai của chị.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

- Về *tuân theo pháp luật tố tụng :*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với chị T để buộc chị T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ là 36.236.589 đồng, trong đó: Vốn gốc: 33.750.000 đồng; tiền lãi: 2.486.589 đồng.

Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A538110, A538121/HĐTD-CC ngày 22/6/2018 để ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản cầm cố nhằm đảm bảo thanh toán nợ cho ngân hàng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**** Về tố tụng:***

[1]. Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng chị đều vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xác định chị T không có mặt tại địa phương, đã bỏ đi từ 6-7 tháng nay (bỏ đi từ khoảng tháng 9/2018), khi bỏ đi chị không có thông báo cho địa phương nên không biết chị T ở đâu. Mà theo địa chỉ của chị T được ghi trong giao dịch hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là cư trú tại ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, trong đơn khởi kiện ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của chị T, nay chị T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho ngân hàng biết về nơi cư trú mới

theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị T là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Trong năm 2018 giữa Ngân hàng TMCP L và chị Nguyễn Thị T có xác lập giao dịch vay tiền theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố với số tiền vay là 45.000.000 đồng cho đến nay còn nợ lại 36.236.589 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T có trách nhiệm trả số tiền 36.236.589 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị T đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4]. Tại phiên Tòa, nguyên đơn giao nộp bổ sung chứng cứ là *"Phiếu chi đề ngày 22/6/2018",* cho nên Hội đồng xét xử công bố tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phí bảo lãnh với số tiền 3.927.150 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng với chị T của số tiền phí bảo lãnh là 3.927.150 đồng, ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

** Về nội dung:*

**- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc chị Nguyễn Thị T trả cho ngân hàng số tiền nợ còn lại 36.236.589 đồng.**

*[6]. Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Ngân hàng TMCP L với chị Nguyễn Thị T có xác lập giao dịch vay tiền, cụ thể là theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A538110, A538121/HĐTD-CC ngày 22/6/2018 thì vào năm 2018 chị T có vay của ngân hàng 45.000.000 đồng, vay theo hình thức trả góp vốn gốc và lãi hàng ngày, kể từ ngày: 23/6/2018 đến ngày 23/12/2018 (180 ngày), Lãi suất trong hạn: 14, 94%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, nên sẽ trả 268.410 đồng/ngày, ngày cuối trả 270.210 đồng là hoàn tất số nợ 45.000.000 đồng, chị

T đã ký tên xác nhận nợ và đồng ý với các điều khoản trong hợp đồng, chị đã nhận đầy đủ số tiền vốn vay 45.000.000 đồng theo phiếu chi đề ngày 22/6/2018 của ngân hàng.

Nhưng trong quá trình thực hiện chị T chỉ trả được cho Ngân hàng đến ngày 08/8/2018 với số tiền 13.387.913 đồng và còn nợ lại 36.236.589 đồng.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, chị T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng không thanh toán đầy đủ tiền nợ vốn và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng mà 02 bên đã ký kết là vi phạm theo quy định tại Điều 2, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T trả 36.236.589 đồng trong đó: vốn gốc: 33.750.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 2.486.589 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. *Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án:* Tại phiên Tòa, Ngân hàng yêu cầu tính lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật chứ không theo thỏa thuận của 02 bên, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

**- Xét yêu cầu xử lý tài sản cầm cố:**

[8]. Tài sản cầm cố là xe YAMAHA - SIRIUS: 71C1-212.20, số khung: RLCS1FC30EY086073, số máy: 1FC3-086083, do chị Nguyễn Thị T đứng tên.

Qua xem xét, thì hợp đồng cầm cố tài sản số A538110, A538121/HĐTD-CC ngày 22/6/2018 được thực hiện đúng quy định. Do vậy, khi chị Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng mà 02 bên đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng TMCP L (Phòng giao dịch D) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản cầm cố để bảo đảm thu hồi nợ cho ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tại Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố và cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[9]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

[10]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận toàn bộ, nên chị T phải chịu án phí của số tiền 36.236.589 đồng là:

36.236.589 đồng x 5% = 1.812.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L đối với chị Nguyễn Thị T về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".

**2.** Buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng L (do Phòng Giao dịch D đại diện nhận) số tiền nợ vay là 36.236.589 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), trong đó:

+ Vốn gốc: 33.750.000 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Tiền lãi: 2.486.589 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng L, thì buộc chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao tài sản cầm cố để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A538110, A538121/HĐTD-CC ngày 22/6/2018 để đảm bảo thu hồi nợ.

**4.** Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L đối với chị Nguyễn Thị T của số tiền phí bảo lãnh là 3.927.150 đồng (Ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn một trăm năm mươi đồng).

**5. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Chị Nguyễn Thị T phải chịu là 1.812.000 đồng (Một triệu tám trăm mười hai nghìn đồng).

Ngân hàng L (do Phòng Giao dịch D đại diện nhận) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.005.000 đồng (Một triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001402 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Mỹ Duyên**